

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định hoạt động chuyển giao công nghệ
tại Trường Đại học Y khoa Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH

Căn cứ Luật số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017, Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 14/8/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về Quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐT, ngày 11/09/2023 về Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Vinh;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động chuyển giao công nghệ tại Trường Đại học Y khoa Vinh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trường các đơn vị trong Nhà trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 2 (th/h);
- Lãnh đạo trường (để b/c)
- Lưu: VT, QLKH&HTQT

**HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Tuấn

QUY ĐỊNH

Về hoạt động chuyển giao công nghệ tại Trường Đại học Y khoa Vinh
(Kèm theo Quyết định số: 159/ QĐ-ĐHYKV ngày 11/11/2024 của Trường Đại học Y khoa Vinh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong hoạt động chuyển giao công nghệ tại Trường Đại học Y khoa Vinh (sau đây gọi tắt là Nhà trường)

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc Nhà trường có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
2. Viên chức, giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên, học viên đang công tác, học tập tại Nhà trường có sản phẩm công nghệ tiềm năng chuyển giao
3. Các tổ chức, cá nhân ngoài trường có nhu cầu tiếp nhận công nghệ của Nhà trường
4. Doanh nghiệp khởi nguồn từ kết quả nghiên cứu của Trường.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Chuyển giao công nghệ*: là việc chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng công nghệ từ Nhà trường (bên giao) sang tổ chức, cá nhân khác (bên nhận) theo quy định của pháp luật.
2. *Công nghệ*: là giải pháp, quy trình, bí quyết có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.
3. *Sản phẩm nghiên cứu*: là kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, có thể là sản phẩm hữu hình hoặc vô hình, có khả năng ứng dụng thực tiễn hoặc thương mại hóa.
4. *Tài sản trí tuệ (TSTT)*: là những sáng tạo của trí tuệ con người, được pháp luật bảo hộ dưới các hình thức như sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, bản quyền tác giả, quyền đối với giống cây trồng, bí mật kinh doanh...
5. *Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ* là hoạt động khai thác, hoàn thiện, ứng dụng, chuyển giao, hoạt động khác có liên quan đến kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nhằm mục đích thu lợi nhuận.
6. *Giám định công nghệ* là hoạt động xác định các chỉ tiêu của công nghệ đạt được trong quá trình ứng dụng so với các chỉ tiêu đã được các bên thỏa thuận.
7. *Tư vấn chuyển giao công nghệ* là hoạt động hỗ trợ lựa chọn, ứng dụng công nghệ; khai thác thông tin công nghệ, thông tin sáng chế, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; đàm phán, ký kết và thực hiện chuyển giao công nghệ.
8. *Chuyển giao công nghệ trong nước* là việc chuyển giao công nghệ được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.



9. Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam là việc chuyển giao công nghệ qua biên giới vào lãnh thổ Việt Nam.

Chương II

NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Điều 4. Nội dung chuyển giao công nghệ

1. Chuyển giao quyền sở hữu công nghệ.
2. Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ.
3. Chuyển giao bí quyết kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ.
4. Chuyển giao phần mềm, ứng dụng, cơ sở dữ liệu.
5. Cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ, tư vấn chuyên sâu.
6. Sản xuất thử nghiệm, chuyển giao sản phẩm mẫu.
7. Đào tạo, chuyển giao kỹ năng vận hành, sử dụng công nghệ.

Điều 5. Hình thức chuyển giao công nghệ

1. Hợp đồng chuyển giao công nghệ: Là hình thức chủ yếu và bắt buộc đối với các giao dịch chuyển giao công nghệ có giá trị.
2. Hợp tác nghiên cứu và phát triển: Hợp tác giữa Nhà trường với doanh nghiệp, tổ chức để cùng phát triển công nghệ mới, trong đó kết quả nghiên cứu sẽ được chia sẻ và ứng dụng.
3. Góp vốn bằng công nghệ: Nhà trường hoặc cá nhân có thể góp vốn bằng giá trị quyền sở hữu công nghệ hoặc quyền sử dụng công nghệ để thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
4. Cấp phép sử dụng công nghệ: Cho phép bên thứ ba sử dụng công nghệ của Nhà trường trong một thời gian và phạm vi nhất định, có thu phí.
5. Chuyển giao qua hoạt động đào tạo, hội thảo, tư vấn: Cung cấp kiến thức, kỹ năng công nghệ thông qua các khóa đào tạo, hội thảo chuyên đề, tư vấn kỹ thuật.
6. Thành lập doanh nghiệp khởi nguồn công nghệ.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ HỖ TRỢ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Điều 6. Phát hiện và đánh giá tiềm năng công nghệ

1. Phát hiện: Các đơn vị, cá nhân có công trình nghiên cứu, sản phẩm công nghệ tiềm năng chuyển giao chủ động báo cáo với Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế.
2. Đánh giá sơ bộ: Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế tiến hành đánh giá sơ bộ về tính mới, khả năng ứng dụng, tiềm năng thương mại hóa và mức độ hoàn thiện của công nghệ.
3. Đăng ký sở hữu trí tuệ: Khuyến khích và hỗ trợ tác giả đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm công nghệ tiềm năng.

Điều 7. Đề xuất Kế hoạch chuyển giao

Đơn vị/cá nhân có công nghệ muốn chuyển giao lập Kế hoạch chuyển giao công nghệ, gửi Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế. Kế hoạch cần bao gồm:

1. Mô tả chi tiết công nghệ, tính mới, ưu điểm vượt trội;
2. Đánh giá thị trường, đối tượng tiếp nhận tiềm năng;
3. Phương án, hình thức chuyển giao đề xuất;
4. Dự kiến chi phí và lợi ích kinh tế, xã hội
5. Nhu cầu hỗ trợ từ Nhà trường.

Điều 8. Thẩm định Kế hoạch chuyển giao

1. Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế tiếp nhận và tham mưu cho Nhà trường tổ chức thẩm định Kế hoạch chuyển giao;

2. Hội đồng Thẩm định (do Hiệu trưởng quyết định thành lập, bao gồm các chuyên gia có liên quan) sẽ đánh giá chi tiết về tính khả thi, hiệu quả, rủi ro và các vấn đề pháp lý liên quan;

3. Kết quả thẩm định sẽ là cơ sở để Hiệu trưởng xem xét và phê duyệt.

Điều 9. Nội dung thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư

Nội dung thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư được quy định như sau:

- a) Sự phù hợp của phương án công nghệ được lựa chọn;
 - b) Việc kiểm chứng sử dụng công nghệ tại các quốc gia phát triển (nếu có);
 - c) Việc đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật cho vận hành dây chuyền công nghệ của dự án đầu tư (nếu có);
 - d) Việc đáp ứng các điều kiện sử dụng công nghệ;
 - đ) Sơ bộ tác động ảnh hưởng của công nghệ đến môi trường;
 - e) Dự thảo hợp đồng chuyển giao công nghệ (nếu có);
 - g) Đối với dự án đầu tư trong khu công nghệ cao, nội dung thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản này và đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.
2. Nội dung thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư được quy định như sau:
- a) Sự phù hợp của công nghệ, máy móc, thiết bị với phương án được lựa chọn trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - b) Sản phẩm, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm;
 - c) Sự phù hợp, khả năng đáp ứng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho việc vận hành công nghệ, máy móc, thiết bị;
 - d) Chương trình đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật để vận hành dây chuyền công nghệ, máy móc, thiết bị;
 - đ) Chi phí đầu tư cho công nghệ, máy móc, thiết bị, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật

Điều 10. Giao kết và thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Việc giao kết hợp đồng chuyển giao công nghệ phải được lập thành văn bản hoặc hình thức khác được coi là giao dịch bằng văn bản theo quy định của Bộ luật Dân sự. Văn bản hợp đồng phải được các bên ký, đóng dấu (nếu có); ký, đóng dấu giáp lai (nếu có) vào các trang của hợp đồng, phụ lục hợp đồng.

2. Ngôn ngữ trong hợp đồng chuyển giao công nghệ do các bên thỏa thuận.

3. Hợp đồng chuyển giao công nghệ được giao kết và thực hiện theo quy định của Luật này, Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Cạnh tranh và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Tên công nghệ được chuyển giao.

2. Đối tượng công nghệ được chuyển giao, sản phẩm do công nghệ tạo ra, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm.

3. Chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển giao quyền sử dụng công nghệ.

4. Phương thức chuyển giao công nghệ.

5. Quyền và nghĩa vụ của các bên.

6. Giá, phương thức thanh toán.

7. Thời hạn, thời điểm có hiệu lực của hợp đồng.

8. Khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong hợp đồng (nếu có).

9. Kế hoạch, tiến độ chuyển giao công nghệ, địa điểm thực hiện chuyển giao công nghệ.

10. Trách nhiệm bảo hành công nghệ được chuyển giao.

11. Phạt vi phạm hợp đồng.

12. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

13. Cơ quan giải quyết tranh chấp.

14. Nội dung khác do các bên thỏa thuận.

Điều 12. Thời hạn thực hiện và thời điểm có hiệu lực của hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Thời hạn thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ do các bên thỏa thuận

2. Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng chuyển giao công nghệ do các bên thỏa thuận; trường hợp các bên không thỏa thuận về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng thì thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm giao kết, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3 Hợp đồng chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao có hiệu lực từ thời điểm được cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ.

Hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc trường hợp đăng ký theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 31 của Luật này có hiệu lực từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung thì hợp đồng gia hạn, sửa đổi, bổ sung có hiệu lực từ thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm

quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung chuyển giao công nghệ.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của bên giao công nghệ

1. Bên giao công nghệ có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu bên nhận công nghệ thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng;
- b) Được thanh toán đầy đủ và hưởng quyền, lợi ích khác theo thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Được thuê tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật.
- d) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến công nghệ được chuyển giao;
- đ) Yêu cầu bên nhận công nghệ áp dụng biện pháp khắc phục, bồi thường thiệt hại trong trường hợp bên nhận công nghệ không thực hiện đúng nghĩa vụ quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Bên giao công nghệ có nghĩa vụ sau đây:

- a) Bảo đảm quyền chuyển giao công nghệ là hợp pháp và không bị hạn chế bởi bên thứ ba, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;
- b) Thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng; bồi thường thiệt hại cho bên nhận công nghệ, bên thứ ba do vi phạm hợp đồng;
- c) Giữ bí mật thông tin về công nghệ và thông tin khác trong quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ theo thỏa thuận;
- d) Thông báo cho bên nhận công nghệ và thực hiện các biện pháp thích hợp khi phát hiện có khó khăn về kỹ thuật của công nghệ được chuyển giao làm cho kết quả chuyển giao công nghệ có khả năng không đúng cam kết trong hợp đồng;
- đ) Đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao từ Việt Nam ra nước ngoài, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;
- e) Thực hiện nghĩa vụ về tài chính, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận công nghệ

1. Bên nhận công nghệ có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu bên giao công nghệ thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến công nghệ được chuyển giao;
- c) Được thuê tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật;
- d) Yêu cầu bên giao công nghệ áp dụng biện pháp khắc phục, bồi thường thiệt hại trong trường hợp bên giao công nghệ không thực hiện đúng nghĩa vụ quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;
- đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Bên nhận công nghệ có nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng; bồi thường thiệt hại cho bên giao công nghệ, bên thứ ba do vi phạm hợp đồng;

b) Giữ bí mật thông tin về công nghệ và thông tin khác trong quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ theo thỏa thuận;

c) Đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;

d) Thực hiện nghĩa vụ về tài chính, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Giá, phương thức thanh toán chuyển giao công nghệ

1. Giá công nghệ chuyển giao do các bên thỏa thuận.

2. Việc thanh toán được thực hiện bằng phương thức sau đây:

a) Trả một lần hoặc nhiều lần bằng tiền hoặc hàng hóa;

b) Chuyển giá trị công nghệ thành vốn góp vào dự án đầu tư hoặc vào vốn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Trả theo phần trăm (%) giá bán tịnh;

d) Trả theo phần trăm (%) doanh thu thuần;

đ) Trả theo phần trăm (%) lợi nhuận trước thuế của bên nhận;

e) Phương thức thanh toán khác do các bên thỏa thuận.

3. Giá công nghệ chuyển giao phải được kiểm toán và thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và giá trong trường hợp sau đây:

a) Giữa các bên mà một hoặc nhiều bên có vốn nhà nước;

b) Giữa các bên có quan hệ theo mô hình công ty mẹ - công ty con;

c) Giữa các bên có quan hệ liên kết theo quy định của pháp luật về thuế.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 16. Hỗ trợ từ Nhà trường

1. Tư vấn: Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế cung cấp dịch vụ tư vấn về thủ tục pháp lý, sở hữu trí tuệ, định giá công nghệ, xây dựng hợp đồng chuyển giao.

2. Kết nối: Hỗ trợ kết nối tác giả/nhóm tác giả với các doanh nghiệp, tổ chức, nhà đầu tư có nhu cầu tiếp nhận công nghệ thông qua các hội chợ công nghệ, triển lãm, diễn đàn kết nối cung - cầu công nghệ.

3. Hỗ trợ tài chính:

- Xem xét cấp kinh phí hỗ trợ ban đầu cho các hoạt động chuẩn bị chuyển giao (ví dụ: sản xuất mẫu thử, hoàn thiện công nghệ, đăng ký sở hữu trí tuệ);

- Hỗ trợ tìm kiếm nguồn tài trợ từ các quỹ phát triển khoa học và công nghệ, các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

4. Hỗ trợ cơ sở vật chất: Tạo điều kiện về phòng thí nghiệm, trang thiết bị cần thiết để hoàn thiện công nghệ trước khi chuyển giao.

5. Đào tạo, tập huấn: Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về kỹ năng thương mại hóa

công nghệ, khởi nghiệp, quản lý dự án cho viên chức, giảng viên và sinh viên.

Điều 17. Thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ

Đàm phán và ký kết: Trên cơ sở Kế hoạch đã được phê duyệt, Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế phối hợp với đơn vị/cá nhân tác giả tiến hành đàm phán với bên nhận công nghệ và trình Hiệu trưởng ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ.

1. Thực hiện hợp đồng: Các bên liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết.

2. Giám sát: Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế giám sát quá trình thực hiện hợp đồng, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của Nhà trường.

Chương IV

QUYỀN LỢI, TRÁCH NHIỆM VÀ PHÂN CHIA LỢI ÍCH

Điều 18. Quyền và trách nhiệm của các bên

1. Nhà trường (đại diện là Hiệu trưởng):

a) Quyền: Quyết định phê duyệt các hoạt động chuyển giao công nghệ; quản lý, sử dụng và phân chia lợi ích từ hoạt động chuyển giao công nghệ theo quy định.

b) Trách nhiệm: Ban hành các quy định, chính sách; tạo môi trường thuận lợi; hỗ trợ, giám sát các hoạt động chuyển giao công nghệ.

2. Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế:

a) Trách nhiệm: Là đầu mối tham mưu, tổ chức, điều phối, hỗ trợ và quản lý toàn bộ hoạt động chuyển giao công nghệ của Nhà trường.

b) Nhiệm vụ:

- Xây dựng và triển khai các quy định, chính sách về chuyển giao công nghệ;
- Tiếp nhận, thẩm định Kế hoạch chuyển giao công nghệ;
- Tư vấn, hỗ trợ pháp lý, sở hữu trí tuệ, định giá công nghệ;
- Kết nối cung - cầu công nghệ, tìm kiếm đối tác;
- Hỗ trợ đàm phán, soạn thảo hợp đồng;
- Giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động chuyển giao.

3. Các đơn vị (khoa, trung tâm): Khuyến khích, động viên viên chức, giảng viên, sinh viên tham gia nghiên cứu và tạo ra các sản phẩm công nghệ có khả năng chuyển giao; quản lý các công trình nghiên cứu của đơn vị.

4. Viên chức, giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên (tác giả/nhóm tác giả):

a) Quyền: Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với công trình nghiên cứu; được hưởng lợi ích từ hoạt động chuyển giao công nghệ theo quy định của Nhà trường và pháp luật; được Nhà trường hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi.

b) Trách nhiệm: Nghiên cứu nghiêm túc, tạo ra sản phẩm chất lượng; chủ động đề xuất chuyển giao; thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng; bảo mật thông tin



liên quan đến công nghệ được chuyển giao.

Điều 19. Nguyên tắc phân chia lợi ích

1. Việc phân chia lợi ích từ hoạt động chuyển giao công nghệ phải công khai, minh bạch, hợp lý, khuyến khích tác giả/nhóm tác giả và đóng góp vào sự phát triển chung của Nhà trường.

2. Lợi ích được phân chia bao gồm lợi nhuận từ chuyển giao công nghệ, lệ phí cấp phép, doanh thu từ sản xuất, kinh doanh sản phẩm ứng dụng công nghệ...

3. Tỷ lệ phân chia cụ thể sẽ được quy định chi tiết trong văn bản hướng dẫn riêng hoặc trong từng hợp đồng chuyển giao, nhưng đảm bảo:

a) Phần cho tác giả/nhóm tác giả: 60–80% tùy theo mức độ đóng góp, tính mỗi của công nghệ và giá trị chuyển giao.

b) Phần cho đơn vị quản lý, hỗ trợ (Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế, các đơn vị liên quan): Để phục vụ công tác duy trì, phát triển hoạt động chuyển giao công nghệ và khen thưởng.

c) Phần cho Nhà trường: Để phục vụ tái đầu tư cho nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Nhà trường.

Điều 20. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Khen thưởng: Các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động chuyển giao công nghệ, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao sẽ được Nhà trường khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Xử lý vi phạm: Các hành vi vi phạm Quy định này hoặc các quy định pháp luật có liên quan trong hoạt động chuyển giao công nghệ sẽ bị xử lý theo quy định của Nhà trường và pháp luật hiện hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế để tổng hợp và đề xuất Hiệu trưởng xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /s/

**HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Tuấn